

Số: 04/2022/QĐST-DS

N, ngày 26 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 153/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Chức vụ: Tổng Giám đốc
Cùng địa chỉ: Số x đường N, phường y, Quận A, Thành phố H.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ – Chức vụ: Giám đốc Phòng quản lý nợ

+ Người theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Châu Văn H; Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ

Cùng địa chỉ: Lầu z, Tòa nhà A, số j đường C, phường h, quận B, Thành phố H.

- Bị đơn: + Ông Nguyễn Trường P, sinh năm 1981

+ Bà Thái Thị Thu D, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Vào năm 2016 ông Nguyễn Trường P và bà Thái Thị Thu D có ký hợp đồng vay tín dụng số PHR.CN.06.290116/KPP với Ngân hàng thương mại cổ phần A vay số tiền 200.000.000đ mục đích là để tiêu dùng, sửa chữa nhà và mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất là 12%/năm. Ông Nguyễn Trường P và bà Thái Thị Thu D xác nhận: Tính đến ngày 15-01-2022 ông, bà còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền 325.997.411đ (Trong đó tiền gốc là 153.353.164đ, lãi trong hạn là 20.139.167đ, lãi quá hạn 147.546.404đ, phạt chậm trả lãi 4.958.676đ).

Ông Nguyễn Trường P và bà Thái Thị Thu D đồng ý trả toàn bộ khoản nợ vay cho Ngân hàng thương mại cổ phần A theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số PHR.CN.06.290116/KPP, ngày 29-02-2021 với tổng số tiền 325.997.411đ (*Ba trăm hai mươi lăm triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn bốn trăm mười một đồng*) (Trong đó tiền gốc là 153.353.164đ, lãi trong hạn là 20.139.167đ, lãi quá hạn 147.546.404đ, phạt chậm trả lãi 4.958.676đ) tính đến ngày 15-01-2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 15-01-2022, ông Nguyễn Trường P và bà Thái Thị Thu D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

- Ông Nguyễn Trường P và bà Thái Thị Thu D đồng ý tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số PHR.BĐCN.04.290116/KPP, ngày 29-01-2016 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số PHR.BĐCN.04.290116/KPP/SĐBS-01, ngày 17-3-2017 là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 556159 do UBND huyện N cấp ngày 12-02-2015; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP658873 do UBND huyện N cấp ngày 13-08-2009 và toàn bộ tài sản trên đất cho đến khi ông Nguyễn Trường P và bà Thái Thị Thu D trả xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Về án phí: Ông Nguyễn Trường P và bà Thái Thị Thu D phải chịu 8.149.000đ (*Tám triệu một trăm bốn mươi chín ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 7.682.000đ (*Bảy triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002116 ngày 14-12-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu tập Quyết định, hồ sơ;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Bình